|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Tĩnh, ngày 08 tháng 12 năm 2016* |

**PHỤ LỤC SỐ 01**

**QUY ĐỊNH PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2017 - 2020***(Kèm theo Tờ trình số 441/TTr-UBND ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh)*

**A. NGUỒN THU VÀ NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH TỈNH**

 **I. Nguồn thu Ngân sách tỉnh**

 **1 . Các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100%**

 1.1. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết.

 1.2. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

1.3. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật.

 1.4. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước.

 1.5. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách tỉnh đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu.

1.6. Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương.

 1.7. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định của pháp luật có liên quan.

 1.8. Lệ phí do các cơ quan nhà nước thực hiện thu.

1.9. Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do cấp tỉnh quản lý.

 1.10. Thu xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện.

1.11. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh xử lý.

 1.12. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

 1.13. Thu từ huy động đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo quy định tại Khoản 5, Khoản 6, Điều 7 của Luật Ngân sách Nhà nước.

 1.14. Thu kết dư ngân sách tỉnh.

 1.15. Thu chuyển nguồn của ngân sách tỉnh từ năm trước chuyển sang.

 1.16. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ Trung ương.

1.17. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

 **2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa Ngân sách Trung ương và Ngân sách địa phương**

 2.1. Thuế GTGT, bao gồm cả thuế GTGT của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (không kể thuế GTGT từ hàng hoá nhập khẩu và thuế GTGT từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí).

 2.2. Thuế TNDN, bao gồm cả thuế TNDN của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (không kể thuế TNDN từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí).

 2.3. Thuế thu nhập cá nhân.

 2.4. Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu, gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu (trừ xăng các loại) tiếp tục bán ra trong nước).

 2.5. Thuế bảo vệ môi trường, không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu.

 2.6. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản.

 **3. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố, thị xã (gọi tắt là ngân sách huyện), và ngân sách xã, phường, thị trấn (gọi tắt là ngân sách xã)**

 3.1. Thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí).

 3.2. Lệ phí môn bài.

3.3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

3.4. Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

 3.5. Tiền sử dụng đất (trừ tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý).

 3.6. Lệ phí trước bạ.

 **II. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh**

 1. Chi đầu tư phát triển

 1.1. Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do cấp tỉnh quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại Khoản 2, Mục II, Phần A quy định này.

 1.2. Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.

 1.3. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

 2. Chi thường xuyên

 2.1. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề.

2.2. Sự nghiệp khoa học và công nghệ.

2.3. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội do cấp tỉnh quản lý.

2.4. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình.

2.5. Sự nghiệp văn hoá thông tin.

2.6. Sự nghiệp phát thanh, truyền hình.

2.7. Sự nghiệp thể dục thể thao.

2.8. Sự nghiệp bảo vệ môi trường.

2.9. Các hoạt động kinh tế do cấp tỉnh quản lý:

a) Hoạt động bảo trì, quản lý sử dụng, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông.

b) Hoạt động bảo vệ, nuôi trồng, chăm sóc, bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành, khai thác trong nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi; định canh, định cư và phát triển nông thôn.

c) Hoạt động quản lý sử dụng, khai thác đất đai; tài nguyên; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; biển và hải đảo.

d) Hoạt động phân giới cắm mốc biên giới; điều tra cơ bản; quy hoạch; xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; chi hoạt động nhập, xuất, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng dự trữ quốc gia.

đ) Hoạt động sự nghiệp thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác.

e) Các sự nghiệp kinh tế khác.

2.10. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam.

2.11. Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

2.12. Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội do cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.

2.13. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ gốc, trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do cấp tỉnh vay.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính.

5. Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương.

6. Chi thực hiện một số chính sách an sinh xã hội do cấp tỉnh quản lý.

7. Các chương trình quốc gia do Chính phủ giao cho cấp tỉnh quản lý; chi đối ứng các dự án, chương trình mục tiêu.

8. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách tỉnh.

9. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

10. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 9, Điều 9 của Luật Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

a) Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng của các đơn vị này để phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và thực hiện các hoạt động cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương.

b) Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của chính quyền cấp dưới.

c) Sử dụng dự phòng ngân sách tỉnh để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng.

**B. NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ (gọi tắt là cấp huyện):**

 **I. Nguồn thu của ngân sách cấp huyện**

 **1. Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%**

1.1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định của pháp luật có liên quan.

 1.2. Lệ phí do các cơ quan nhà nước thực hiện thu.

1.3. Thu xử phạt hành vi phạm chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cấp huyện quản lý.

 1.4. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các cá nhân khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp huyện theo quy định của pháp luật.

1.5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện xử lý.

1.6. Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do cấp huyện quản lý.

 1.7. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

1.8. Thu chuyển nguồn của ngân sách huyện từ năm trước chuyển sang.

 1.9. Thu kết dư ngân sách.

1.10. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh.

 1.11. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

 **2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp huyện và các cấp ngân sách thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3, Mục I, Phần A quy định này.**

 **II. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện**

 **1. Chi đầu tư phát triển**

 1.1. Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do cấp huyện quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại Khoản 2, Mục II, Phần B quy định này.

1.2. Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật.

 1.3. Riêng đối với thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh, thị xã Kỳ Anh có thêm nhiệm vụ chi xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp trung học cơ sở, tiểu học, mầm non, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác.

 1.4. Chi đối ứng các dự án, chương trình mục tiêu.

 1.5. Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

 **2. Chi thường xuyên**

 2.1. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề cấp huyện quản lý.

2.2. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội do cấp huyện quản lý:

a) Quốc phòng:

 - Công tác giáo dục quốc phòng toàn dân.

 - Công tác tuyển quân và đón tiếp quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về.

 - Đăng ký quân nhân dự bị.

 - Tổ chức huấn luyện cán bộ dân quân tự vệ (do cấp huyện trực tiếp điều động).

 - Chi trả phụ cấp thực hiện pháp lệnh dân quân tự vệ.

 - Thực hiện một số nhiệm vụ khác về đảm bảo quốc phòng theo quy định.

 b) An ninh và trật tự an toàn xã hội:

 - Tuyên truyền, giáo dục phong trào quần chúng bảo vệ an ninh.

 - Hỗ trợ các chiến dịch giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội.

 - Hỗ trợ sơ kết, tổng kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc.

 - Hỗ trợ hoạt động an ninh trật tự cơ sở.

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác về đảm bảo an ninh theo quy định.

2.3. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình cấp huyện quản lý.

2.4. Sự nghiệp văn hoá thông tin cấp huyện quản lý.

2.5. Sự nghiệp phát thanh, truyền hình cấp huyện quản lý.

2.6. Sự nghiệp thể dục thể thao cấp huyện quản lý.

2.7. Sự nghiệp bảo vệ môi trường cấp huyện quản lý.

2.8. Các hoạt động kinh tế do cấp huyện quản lý:

a) Hoạt động bảo trì, quản lý sử dụng, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông.

b) Hoạt động bảo vệ, nuôi trồng, chăm sóc, bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành, khai thác trong nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi; định canh, định cư và phát triển nông thôn.

c) Hoạt động quản lý sử dụng, khai thác đất đai; tài nguyên; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; biển và hải đảo.

d) Hoạt động phân giới cắm mốc biên giới; điều tra cơ bản; quy hoạch; xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; chi hoạt động nhập, xuất, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng dự trữ quốc gia.

đ) Hoạt động sự nghiệp thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác;

e) Các sự nghiệp kinh tế khác.

2.9. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam cấp huyện; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam cấp huyện;

2.10. Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp huyện theo quy định của pháp luật.

2.11. Chi bảo đảm xã hội cấp huyện, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội do cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật:

 - Chi thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ.

2.12. Các khoản chi khác theo phân cấp của tỉnh.

2.13. Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương.

2.14. Chi thực hiện một số chính sách ASXH do cấp huyện quản lý.

2.15. Chi đối ứng các dự án, chương trình mục tiêu.

2.16. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách huyện.

2.17. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2.18. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

2.19. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 9, Điều 9 của Luật Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

a) Ngân sách cấp huyện hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng của các đơn vị này để phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và thực hiện các hoạt động cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương.

b) Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của chính quyền cấp dưới.

c) Sử dụng dự phòng ngân sách cấp huyện để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng.

 **C. NGUỒN THU VÀ NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN:**

 **I.** **Nguồn thu của ngân sách xã, thị trấn**

 **1. Các khoản thu được hưởng 100%**

1.1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định của pháp luật có liên quan.

 1.2. Lệ phí do các cơ quan nhà nước thực hiện thu.

1.3. Thu từ sử dụng quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

 1.4. Thu xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác trong các lĩnh vực do xã, thị trấn quản lý.

 1.5. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các cá nhân khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho xã, thị trấn theo quy định của pháp luật.

1.6. Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do xã, thị trấn quản lý.

1.7. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

1.8. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang.

1.9. Thu kết dư ngân sách.

1.10. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

1.11. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

**2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách xã với các cấp ngân sách thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3, Mục I, Phần A quy định này.**

 **II. Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, thị trấn**

 **1. Chi đầu tư phát triển**

 1.1. Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do xã, thị trấn quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại Khoản 2, Mục II, Phần C quy định này.

 1.2. Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã, thị trấn từ nguồn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật.

 1.3. Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

 **2. Chi thường xuyên:**

2.1. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam ở xã, thị trấn; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam ở xã, thị trấn.

 2.2. Đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ và các đối tượng khác theo chế độ quy định.

 2.3. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội:

 - Chi huấn luyện dân quân tự vệ, các khoản phụ cấp thuộc huy động dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã, thị trấn theo quy định của pháp luật.

 - Chi thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã, thị trấn theo quy định của pháp luật.

 - Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã, thị trấn.

 - Các khoản chi khác theo chế độ quy định.

 2.4. Chi đảm bảo xã hội:

 - Chi thực hiện chế độ điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng.

 - Chi thực hiện chế độ hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

 - Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng: Cựu chiến binh, Thanh niên xung phong, Dân quân tự vệ.

 - Chi trợ cấp cho các đối tượng Thanh niên xung phong, cán bộ lão thành cách mạng.

- Các khoản chi khác theo chế độ quy định.

2.5. Chi hoạt động của Hội người mù, Hội cao tuổi, Hội chữ thật đỏ.

 2.6. Chi hoạt động văn hoá thông tin, thể dục thể thao, truyền thanh do xã, thị trấn quản lý.

 2.7. Chi hỗ trợ hoạt động y tế, giáo dục ở xã, thị trấn.

 2.8. Chi sửa chữa, cải tạo các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng do xã, thị trấn quản lý như: trường học, trạm y tế, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, nhà văn hoá, thư viện, đài tưởng niệm, cơ sở thể dục thể thao, cầu đường giao thông, công trình cấp thoát nước công cộng.

 2.9. Chi hỗ trợ khuyến khích phát triển các sự nghiệp kinh tế như: Khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm, khuyến diêm, khuyến công và sự nghiệp kinh tế khác theo chế độ quy định.

2.10. Chi kiến thiết thị chính.

2.11. Chi đối ứng các dự án, chương trình mục tiêu.

2.12. Chi chuyển nguồn sang năm sau.

 2.13. Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương.

 2.14. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2.15. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 9, Điều 9 của Luật Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

a) Ngân sách xã, thị trấn hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng của các đơn vị này để phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và thực hiện các hoạt động cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương;

b) Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của chính quyền cấp dưới.

c) Sử dụng dự phòng ngân sách xã, thị trấn để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng.

 **D. NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH PHƯỜNG**

 **I.** **Nguồn thu của ngân sách phường**

 **1. Các khoản thu 100%**

1.1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước thực hiện, trường hợp khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định của pháp luật có liên quan.

 1.2. Lệ phí do các cơ quan nhà nước thực hiện thu.

 1.3. Thu từ sử dụng quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

1.4. Thu xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực do phường quản lý.

 1.5. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các cá nhân khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho phường theo quy định của pháp luật.

1.6. Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do phường quản lý.

 1.7. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

 1.8. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang.

 1.9. Thu kết dư ngân sách.

 1.10. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

 1.11. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

 **2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Phường và các cấp ngân sách thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3, Mục I, Phần A quy định này.**

 **II. Nhiệm vụ chi của ngân sách phường**

 **1. Chi đầu tư phát triển**

 1.1. Chi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của phường từ nguồn huy động đóng góp của các tổ chức, các nhân theo quy định của pháp luật.

 1.2. Các khoản chi Đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

 **2. Chi thường xuyên**

 2.1. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam ở phường; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam ở phường.

 2.2. Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ và các đối tượng khác theo chế độ quy định.

 2.3. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội:

 - Chi huấn luyện dân quân tự vệ, các khoản phụ cấp và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách phường theo quy định của pháp luật.

 - Chi thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác của ngân sách phường theo quy định của pháp luật.

 - Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn phường.

 - Các khoản chi khác theo chế độ quy định.

 2.4. Chi đảm bảo xã hội:

 - Chi thực hiện chế độ điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng.

 - Chi thực hiện chế độ hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chi mu thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng: Cựu chiến binh, Thanh niên xung phong, Dân quân tự vệ.

 - Chi trợ cấp cho các đối tượng Thanh niên xung phong, cán bộ lão thành cách mạng.

- Các khoản chi khác theo chế độ quy định.

2.5. Chi hoạt động của Hội người mù, Hội cao tuổi, Hội chữ thật đỏ.

2.6. Chi hỗ trợ khuyến khích phát triển các sự nghiệp kinh tế như: Khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm, khuyến diêm, khuyến công và sự nghiệp kinh tế khác theo chế độ quy định.

2.7. Chi hoạt động văn hoá thông tin, thể dục thể thao, truyền thanh do phường quản lý.

 2.8. Chi hỗ trợ hoạt động y tế, giáo dục.

2.9. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 9, Điều 9 của Luật Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

a) Ngân sách phường hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng của các đơn vị này để phòng, chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và thực hiện các hoạt động cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương.

b) Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của chính quyền cấp dưới.

c) Sử dụng dự phòng ngân sách phường để hỗ trợ các địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa nghiêm trọng.

 2.10. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**